FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (UPCOM: TSA)

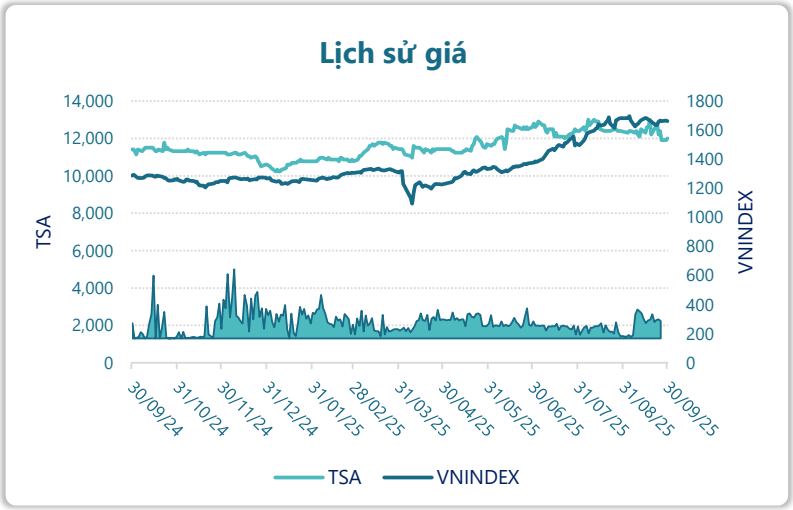

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,232
SL cổ phiếu LH	40,424,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,050
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	485
P/E	16.0
EPS	748

DT thuần

Q3/25

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.0| -28.0%

YoY: ▲ 46.0| 43.3%

LN sau thuế

Q3/25

5.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.37| -39.4%

YoY: ▲ 1.95| 60.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

9T 2025

442

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 105| 31.3%

LN sau thuế

9T 2025

16.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.50| 63.0%

ROE

Q3/25

7.4%

#VALUE!

Kết quả kinh doanh

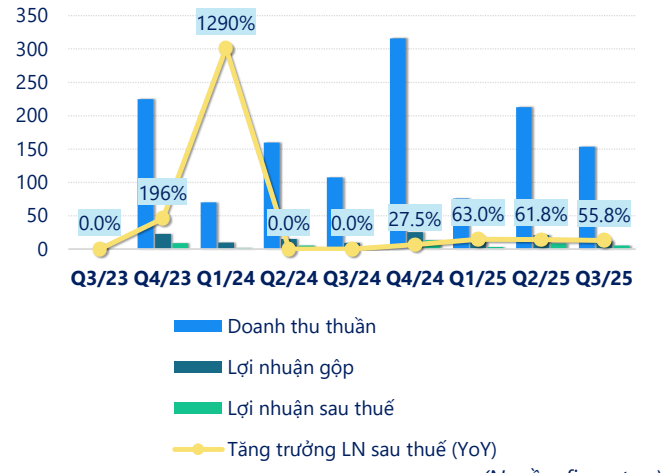

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

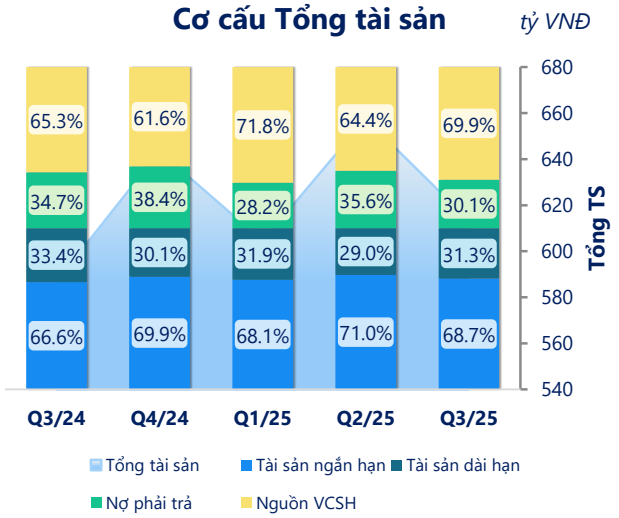

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

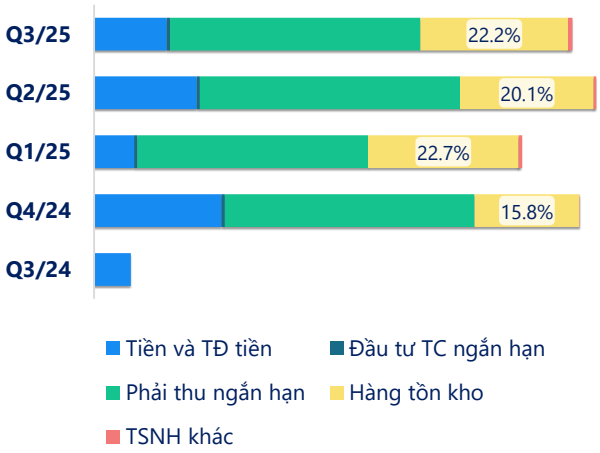

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

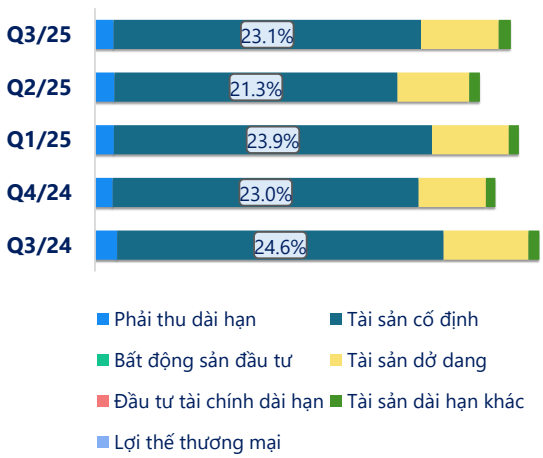

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

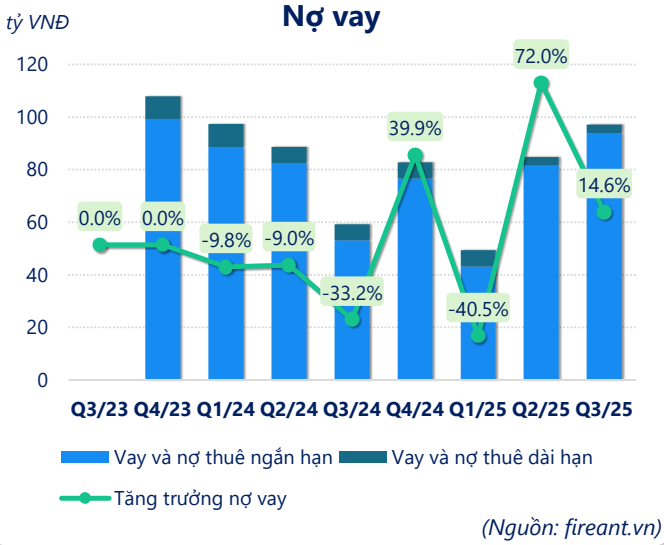

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

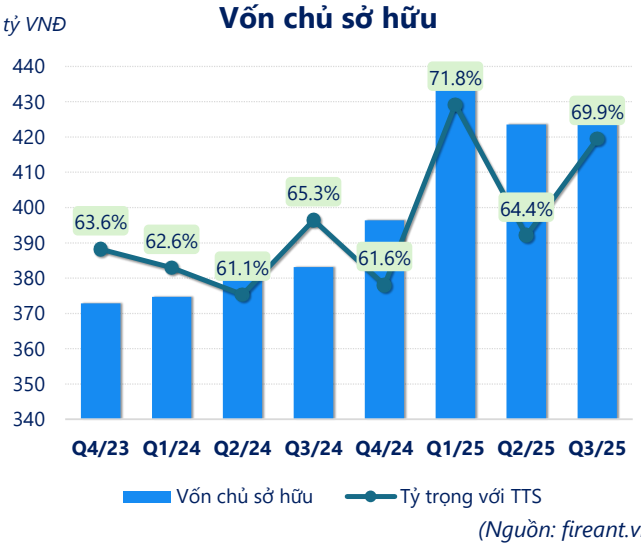

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

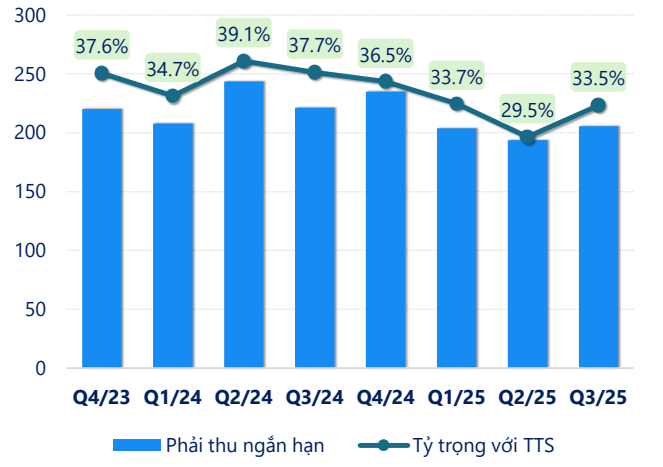

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

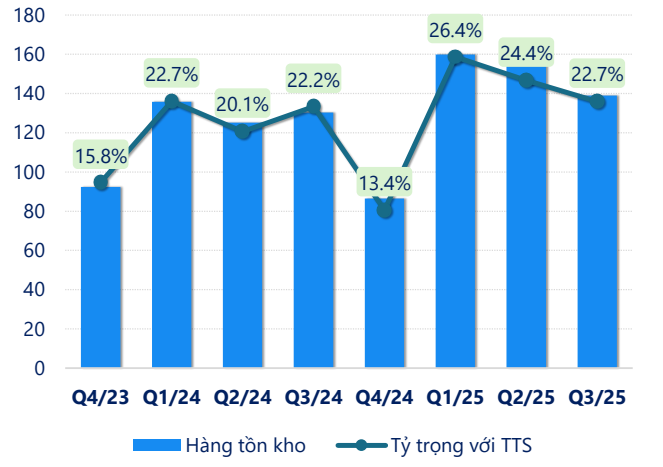

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

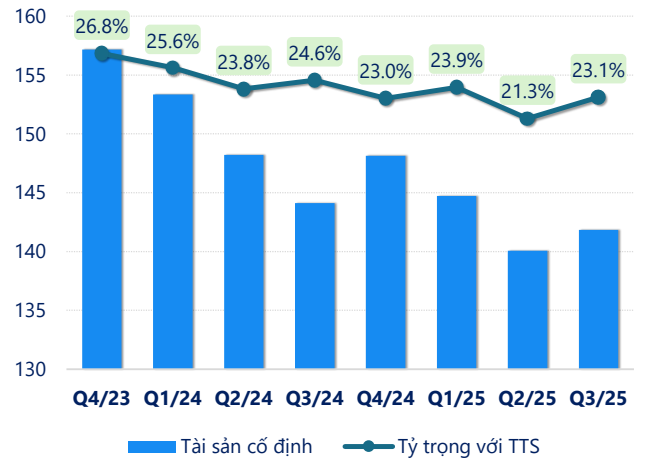

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

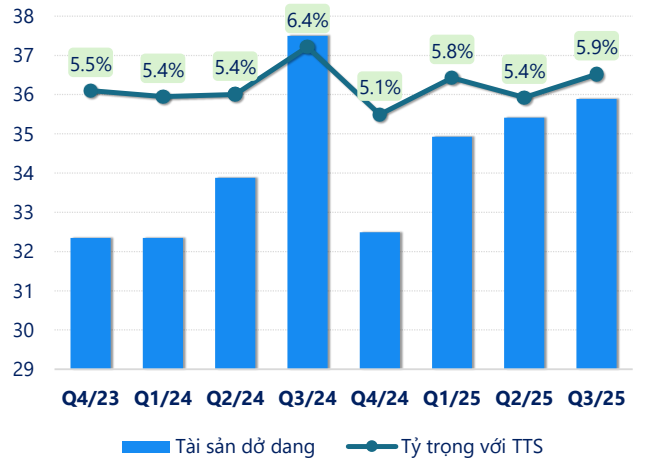

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

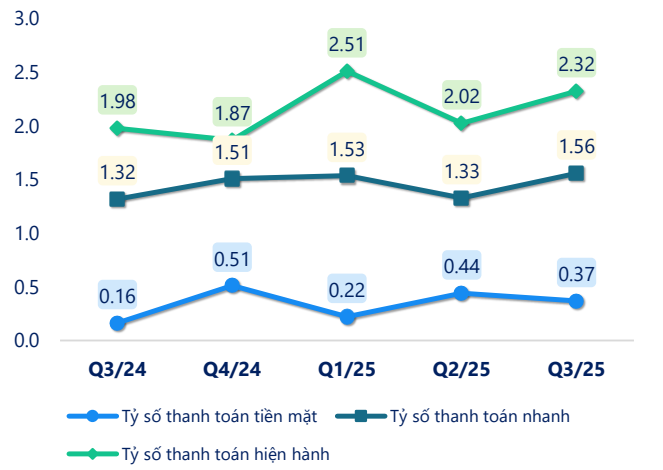

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

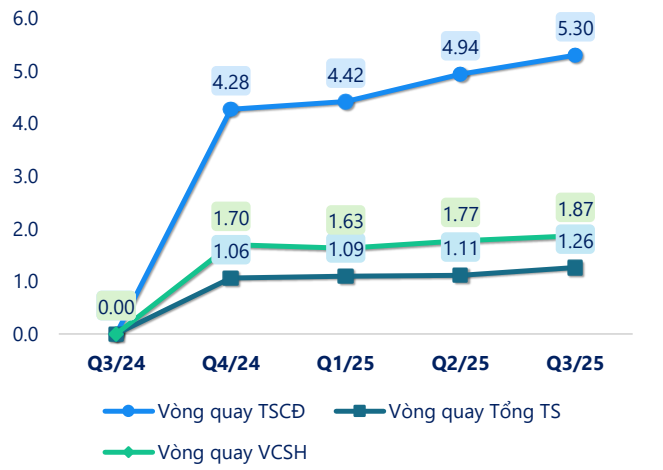

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**587**	**643**	**604**	**658**	**613**
Tài sản ngắn hạn	**391**	**450**	**412**	**467**	**421**
Tiền và tương đương tiền	32.3	123	36.3	101	66.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.04	3.14	3.14	3.17	3.17
Phải thu ngắn hạn	221	235	204	194	205
Hàng tồn kho	130	86.4	160	161	139
Tài sản ngắn hạn khác	3.76	1.89	8.56	8.03	6.98
Tài sản dài hạn	**196**	**194**	**193**	**190**	**192**
Phải thu dài hạn	9.77	8.57	8.57	9.63	8.57
Tài sản cố định	144	148	145	140	142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.5	32.5	34.9	35.4	35.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.77	4.65	4.55	5.37	5.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**204**	**247**	**170**	**234**	**185**
Nợ ngắn hạn	**198**	**241**	**164**	**231**	**181**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.1	76.7	43.2	81.5	93.9
Phải trả người bán ngắn hạn	62.7	128	75.2	108	50.8
Nợ dài hạn	6.12	6.12	6.12	3.24	3.24
Vay và nợ thuê dài hạn	6.12	6.12	6.12	3.24	3.24
Nguồn vốn chủ sở hữu	**383**	**396**	**434**	**424**	**429**
Vốn chủ sở hữu	**383**	**396**	**434**	**424**	**429**
Vốn điều lệ	350	350	385	404	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)